# Đặc tả use case.

## **Use Case diagram**

## Use case “Đăng nhập”

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | **Đăng nhập** |
| **Brief description** | Người dùng đăng nhập vào hệ thống |
| **Actor(s)** | Người mua hàng |
| **Pre-conditions** | Người dùng đã được tạo tài khoản trong hệ thống |
| **Post-conditions** | Nếu đăng nhập thành công: Người dùng được xác thực và hệ thống hiển thị thông tin người dùng và cho phép người dùng đặt hàng  Nếu đăng nhập không thành công: Người dùng không truy cập được vào hệ thống |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Use case bắt đầu khi người dùng click vào ô đăng nhập.   1. Hệ thống hiển thị cửa sổ cho người dùng nhập username và password 2. Người dùng nhập username và password 3. Hệ thống xác thực username và password 4. Hệ thống xác định vai trò của người dùng 5. Hệ thống mở màn hình trang chủ và mở các chức năng được phép truy cập của người dùng. |
| Alternative flow  (Thất bại) | Nếu người dùng nhập sai username hay/và password. Những công việc sau được thực hiện:   1. Hệ thống mô tả lý do xác thực bị sai 2. Hệ thống lưu ý người dùng đăng nhập lại 3. Khi người dùng nhập lại username và password, bước 3 ở Basic flow được thực hiện. |
| **Extension point** | Không có |

## Usecase “Tìm kiếm”

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | **Đăng nhập** |
| **Brief description** | Người dùng muốn tìm sản phẩm mà mình muốn. |
| **Actor(s)** | Người mua hàng |
| **Pre-conditions** | Không |
| **Post-conditions** | Tìm kiếm thành công: Các sản phẩm mà người dùng muốn tìm sẽ hiện ra  Tìm kiếm không thành công: Không có sản phẩm để hiển thị. |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Use case bắt đầu khi người dùng tìm sản phẩm và click vào nút Đặt hàng.  1. Người dùng nhập từ khóa muốn tim kiếm vào ô textbox.  2. Hệ thống tìm kiếm theo từ khóa.  3. Hệ thống mở màn hình hiển thỉ những sản phẩm vừa tìm kiếm được. |
| Alternative flow  (Thất bại) | Nếu người dùng nhập sai từ khóa hoặc tên sản phẩm không có trong của hàng. Những công việc sau được thực hiện:  - Hệ thống mở màn hình hiển thỉ thông báo không có sản phẩm này. |
| **Extension point** | Không có |

## Usecase “Đặt hàng”

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | **Đăng nhập** |
| **Brief description** | Người dùng muốn mua sản phẩm được chọn. |
| **Actor(s)** | Người mua hàng |
| **Pre-conditions** | Không |
| **Post-conditions** | Đặt hàng thành công: Các sản phẩm mà người dùng muốn đặt sẽ được thêm vào giỏ hàng  Đặt hàng không thành công: Sản phẩm không được thêm vào giỏ hàng. |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Use case bắt đầu khi người dùng nhập tên sản phẩm và click vào nút tìm kiếm.  1. Người dùng nhập thông tin của người dùng.  2. Hệ thống kiểm tra thông tin .  3. Hệ thống mở màn hình hiển thỉ đặt hàng thành công. |
| Alternative flow  (Thất bại) | Nếu người dùng nhập sai từ khóa thông tin khách hàng. Những công việc sau được thực hiện:  - Hệ thống mở màn hình hiển thị thông báo lỗi. |
| **Extension point** | Không có |

# Phân công công việc.

- Thiết kế cơ sở dữ liệu.

- Tìm hiểu công nghệ và thiết kế giao diện

- Tiến hành code.